









































**Điều 15: Thay đổi Số tiền bảo hiểm**

- 15.1** Tăng Số tiền bảo hiểm: Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm trước Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm tròn 65 (sáu mươi lăm) tuổi, Công ty có thể yêu cầu bằng chứng về sức khỏe và các điều kiện có thể được bảo hiểm của Người được bảo hiểm.
- 15.2** Giảm Số tiền bảo hiểm: Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu giảm Số tiền bảo hiểm với điều kiện Số tiền bảo hiểm sau khi giảm không thấp hơn số tiền bảo hiểm tối thiểu do Công ty quy định tại từng thời điểm (được quy định công khai tại trang thông tin điện tử [www.aia.com.vn](http://www.aia.com.vn)).
- 15.3** Việc tăng hoặc giảm Số tiền bảo hiểm sẽ có hiệu lực vào Ngày kỷ niệm hợp đồng tiếp theo ngay sau khi yêu cầu thay đổi của Bên mua bảo hiểm được Công ty chấp thuận bằng văn bản. Phí bảo hiểm cơ bản và Chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ được điều chỉnh tương ứng với Số tiền bảo hiểm mới.

**Điều 16: Tăng Số tiền bảo hiểm mà không cần bằng chứng sức khỏe và tài chính**

- 16.1** Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm mà không cần cung cấp bằng chứng về sức khỏe và tài chính khi đáp ứng các điều kiện sau:
- Yêu cầu này được Bên mua bảo hiểm thực hiện trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Người được bảo hiểm kết hôn hoặc sinh con hoặc nhận con nuôi;
  - Sự kiện kết hôn hoặc sinh con hoặc nhận con nuôi của Người được bảo hiểm xảy ra kể từ Năm hợp đồng thứ 3 (ba) trở đi và trước khi Người được bảo hiểm đạt 65 (sáu mươi lăm) tuổi;
  - Người được bảo hiểm được Công ty chấp thuận bảo hiểm với điều kiện chuẩn vào thời điểm phát hành Hợp đồng bảo hiểm hoặc lần khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy ngày nào xảy ra sau;
  - Chưa xảy ra bất kỳ sự kiện bảo hiểm bệnh Ung thư nào đối với Người được bảo hiểm;
  - Bên mua bảo hiểm nộp cho Công ty giấy tờ chứng minh sự kiện kết hôn hoặc sinh con hoặc nhận con nuôi của Người được bảo hiểm.
- 16.2** Số tiền bảo hiểm tối đa có thể yêu cầu tăng theo mỗi sự kiện kết hôn hoặc sinh con là 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại và số lần tối đa yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm theo điều này là 2 (hai) lần trong suốt thời hạn hợp đồng. Tổng số tiền bảo hiểm tăng thêm của 2 lần theo quy định tại điều này không vượt quá mức tối đa do Công ty quy định tại từng thời điểm (được quy định công khai tại trang thông tin điện tử [www.aia.com.vn](http://www.aia.com.vn)). Hiện tại, mức tối đa này là 500 (năm trăm) triệu đồng và có thể được điều chỉnh tăng theo quy định của Công ty.
- 16.3** Công ty có thể yêu cầu thẩm định sức khỏe và tài chính nếu tổng Số tiền bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm sau khi tăng thêm theo điều này cộng với số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng bảo hiểm khác tại Công ty vượt quá giới hạn số tiền bảo hiểm tối đa do Công ty quy định tại từng thời điểm (được quy định công khai tại trang thông tin điện tử [www.aia.com.vn](http://www.aia.com.vn)).

**16.4** Việc tăng Số tiền bảo hiểm sẽ có hiệu lực vào Ngày kỷ niệm hợp đồng tiếp theo ngay sau khi yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm hiện tại được Công ty chấp thuận. Chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ được điều chỉnh tương ứng.

---

#### **Điều 17: Tham gia thêm, hủy bỏ các sản phẩm bảo hiểm bổ sung**

- 17.1** Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ sung, nếu:
- Công ty có cung cấp sản phẩm bổ sung đó tại thời điểm có yêu cầu;
  - Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm đủ điều kiện tham gia sản phẩm bổ sung;
  - Bên mua bảo hiểm đồng ý trả thêm phí bảo hiểm cho sản phẩm bổ sung đó.
- Yêu cầu tham gia thêm các sản phẩm bảo hiểm bổ sung, nếu được Công ty chấp thuận, sẽ có hiệu lực vào Ngày kỷ niệm tháng ngay sau khi được Công ty chấp thuận bằng văn bản
- 17.2** Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu hủy bỏ các sản phẩm bảo hiểm bổ sung bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản đến Công ty. Việc hủy bỏ các sản phẩm bổ sung sẽ có hiệu lực kể từ ngày Công ty chấp thuận bằng văn bản.
- 

QUY TẮC VÀ ĐIỀU KHOẢN MẪU

## CHƯƠNG 4: SỐ TIỀN BẢO HIỂM, PHÍ BẢO HIỂM VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

### Điều 18: Số tiền bảo hiểm, phí bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm

- 18.1** Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn Số tiền bảo hiểm sao cho không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định hiện hành của Công ty.
- 18.2** Phí bảo hiểm cơ bản có thể được đóng theo định kỳ hàng năm, hàng nửa năm, hàng quý hoặc hàng tháng. Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu thay đổi định kỳ đóng phí vào các Ngày kỷ niệm hợp đồng. Yêu cầu thay đổi định kỳ đóng phí phải được lập thành văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước Ngày kỷ niệm hợp đồng.
- 18.3** Bên mua bảo hiểm sẽ chịu các khoản thuế liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm này theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 18.4** Thời hạn đóng phí bằng thời hạn hợp đồng và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể linh hoạt đóng Phí bảo hiểm cơ bản kể từ Năm hợp đồng thứ 5 (năm) trở đi theo quy định tại Điều 18.5.2 của Quy tắc và Điều khoản này.
- 18.5** Phương thức phân bổ phí bảo hiểm và thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm:
- Nếu Bên mua bảo hiểm có yêu cầu về việc đóng phí bảo hiểm bổ sung, các khoản tiền Bên mua bảo hiểm đóng cho Hợp đồng bảo hiểm sẽ được phân bổ theo quy định tại Điều 18.5.1 và Điều 18.5.2.
- Nếu Bên mua bảo hiểm không có yêu cầu về việc đóng phí bảo hiểm bổ sung và Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng hiện hành được đóng đủ, bất kỳ khoản tiền nào mà Bên mua bảo hiểm đóng thêm trong Năm hợp đồng đó sẽ được tính là Phí tích lũy.
- 18.5.1** Trong 4 (bốn) Năm hợp đồng đầu tiên:
- Khoản phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm đóng cho Hợp đồng bảo hiểm này sẽ được phân bổ như sau:
- i. Nếu số tiền đóng vào đủ để thanh toán cho Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ và phí bảo hiểm định kỳ của tất cả các sản phẩm bổ sung, nếu có, số tiền này sẽ được dùng để thanh toán cho hai khoản phí này.
  - ii. Nếu số tiền đóng vào đủ để thanh toán cho Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ và phần còn lại không đủ để thanh toán cho phí bảo hiểm định kỳ của tất cả các sản phẩm bảo hiểm bổ sung, nếu có, số tiền này sẽ được dùng để thanh toán cho Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ và thời gian gia hạn đóng phí 60 (sáu mươi) ngày kể từ Ngày đến hạn đóng phí sẽ được áp dụng đối với các sản phẩm bổ sung, nếu có.
- Nếu hết thời gian gia hạn đóng phí mà khoản phí bảo hiểm theo yêu cầu vẫn không được đóng đủ, tất cả các sản phẩm bảo hiểm bổ sung sẽ mất hiệu lực. Đối với khoản tiền đã đóng còn lại, nếu có, Công ty sẽ dùng để thanh toán một phần hoặc toàn bộ cho kỳ đóng Phí bảo hiểm cơ bản tiếp theo trong Năm hợp đồng hiện hành.
- iii. Nếu số tiền đóng vào không đủ để thanh toán cho Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ, thời gian gia hạn đóng phí 60 (sáu mươi) ngày kể từ Ngày đến hạn đóng phí sẽ được áp dụng đối với Hợp đồng bảo hiểm này.

Nếu hết thời gian gia hạn đóng phí mà khoản Phí bảo hiểm cơ bản theo yêu cầu vẫn chưa được đóng đủ, Hợp đồng bảo hiểm sẽ bị mất hiệu lực.

- iv. Nếu Phí bảo hiểm cơ bản và tất cả khoản phí bảo hiểm định kỳ của tất cả các sản phẩm bảo hiểm bổ sung, nếu có, của Năm hợp đồng hiện hành được đóng đủ, bất kỳ khoản tiền nào mà Bên mua bảo hiểm đóng thêm trong Năm hợp đồng đó sẽ được tính là Phí tích lũy.

Trường hợp Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản của 04 (bốn) Năm hợp đồng đầu tiên, Hợp đồng bảo hiểm vẫn duy trì hiệu lực trong 04 (bốn) Năm hợp đồng đầu tiên cho dù Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán cho Khoản khấu trừ hàng tháng. Trong trường hợp này, Khoản khấu trừ hàng tháng chưa được thanh toán sẽ được xem là Khoản nợ, không tính lãi, và sẽ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản hợp đồng khi Bên mua bảo hiểm thực hiện nghĩa vụ đóng phí từ những lần đóng phí kế tiếp.

**18.5.2** Từ Năm hợp đồng thứ 5 (năm) trở đi:

Khoản phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm đóng cho Hợp đồng bảo hiểm này sẽ được phân bổ như sau:

- i. Bất kỳ khoản tiền nào được Bên mua bảo hiểm đóng cho Hợp đồng bảo hiểm này sẽ được ưu tiên thanh toán cho Phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung, với sự đồng ý của Bên mua bảo hiểm đối với khoản phí bảo hiểm bổ sung, cho đến hết Năm hợp đồng hiện hành.

Trường hợp Phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung, nếu có, vẫn chưa được đóng đủ, Hợp đồng bảo hiểm vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực cho đến khi Giá trị tài khoản hợp đồng không còn để đóng cho Khoản khấu trừ hàng tháng và phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung, khi đó thời gian gia hạn đóng phí 60 (sáu mươi) ngày sẽ được áp dụng đối với Hợp đồng bảo hiểm này.

Trường hợp Bên mua bảo hiểm không đồng ý khấu trừ phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung, nếu có, từ Giá trị tài khoản hợp đồng, thời gian gia hạn đóng phí 60 (sáu mươi) ngày sẽ được áp dụng đối với các sản phẩm bổ sung.

- ii. Nếu Phí bảo hiểm cơ bản và tất cả khoản phí bảo hiểm định kỳ của tất cả các sản phẩm bảo hiểm bổ sung, nếu có, của Năm hợp đồng hiện hành được đóng đủ, bất kỳ khoản tiền nào mà Bên mua bảo hiểm đóng thêm trong Năm hợp đồng đó sẽ được tính là Phí tích lũy.

**18.5.3** Quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản này vẫn được duy trì hiệu lực trong thời gian gia hạn đóng phí.

**18.5.4** Phí bảo hiểm cơ bản và Phí tích lũy sẽ được phân bổ để mua các Đơn vị quỹ theo tỷ lệ như sau:

Năm đóng phí	1	2	3	4	Từ Năm thứ 5 đến Năm thứ 20	Từ Năm thứ 21 trở đi
Tỷ lệ phân bổ Phí bảo hiểm cơ bản	20%	30%	70%	80%	97,5%	98%
Tỷ lệ phân bổ Phí tích lũy	99%	99%	99%	99%	99%	99%

- 18.6** Công ty sẽ gửi thông báo bằng văn bản/ thư điện tử/ tin nhắn đến Bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày đến hạn đóng phí.
- 18.7** Bên mua bảo hiểm có thể ủy quyền người khác nộp phí bảo hiểm thay mình và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các rủi ro và các vấn đề phát sinh có liên quan đến việc nộp phí bảo hiểm đó. Công ty không chịu trách nhiệm hoặc không có nghĩa vụ phải xác minh tính hiệu lực hoặc hợp pháp của bất kỳ khoản tiền nào được đóng nhân danh hoặc vì lợi ích của Bên mua bảo hiểm hoặc của bất kỳ trường hợp ủy quyền đóng tiền nào được thực hiện giữa Bên mua bảo hiểm và bất kỳ bên thứ ba nào. Nếu có bất kỳ truy vấn nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nguồn gốc của các khoản thanh toán, Công ty có quyền yêu cầu Bên mua bảo hiểm cung cấp các chứng từ liên quan đến các khoản thanh toán đó.

### Điều 19: Mất hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng bảo hiểm sẽ bị mất hiệu lực theo một trong các trường hợp sau:

- a. Trong 04 (bốn) Năm hợp đồng đầu tiên: Hợp đồng bảo hiểm sẽ bị mất hiệu lực khi kết thúc thời gian gia hạn đóng phí nếu Bên mua bảo hiểm không đóng đủ khoản Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn; hoặc
- b. Từ Năm hợp đồng thứ 5 (năm) trở đi: Hợp đồng bảo hiểm sẽ bị mất hiệu lực tại ngày mà Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để thanh toán cho Khoản khấu trừ hàng tháng.

Sau khi Hợp đồng bảo hiểm bị mất hiệu lực, Công ty sẽ chuyển các Đơn vị quỹ còn lại (nếu có) của Hợp đồng bảo hiểm thành tiền với Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá gần nhất ngay sau ngày kết thúc thời gian gia hạn đóng phí, trừ đi các Khoản nợ (nếu có), và thông báo cho Bên mua bảo hiểm về việc nhận khoản tiền này. Trong thời gian Bên mua bảo hiểm chưa nhận khoản tiền này, khoản tiền này sẽ không được tính lãi, nếu Bên mua bảo hiểm:

- có yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng trong vòng 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực, khoản tiền này sẽ được chuyển đổi thành Đơn vị quỹ với Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau ngày Công ty chấp thuận khôi phục theo Tỷ lệ đầu tư như trường hợp đóng Phí bảo hiểm cơ bản.
- không có yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng trong vòng 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực, Công ty sẽ có thư nhắc cho Bên mua bảo hiểm về việc nhận khoản tiền này.

## CHƯƠNG 5: CÁC LOẠI CHI PHÍ

### Điều 20: Chi phí ban đầu

Chi phí ban đầu là tỷ lệ phần trăm (%) của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí tích lũy như sau:

Năm đóng phí	1	2	3	4	Từ Năm thứ 5 đến Năm thứ 20	Từ Năm thứ 21 trở đi
Phí bảo hiểm cơ bản	80%	70%	30%	20%	2,5%	2%
Phí tích lũy	1%	1%	1%	1%	1%	1%

### Điều 21: Chi phí bảo hiểm rủi ro

Vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng khi Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực, một số lượng Đơn vị quỹ của hợp đồng sẽ được tự động bán đi theo Giá đơn vị quỹ vào Ngày định giá gần nhất ngay sau Ngày kỷ niệm tháng để chi trả cho khoản Chi phí bảo hiểm rủi ro hàng tháng. Số lượng các Đơn vị quỹ được bán ra từ mỗi quỹ để chi trả Chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ căn cứ theo Tỷ trọng giá trị quỹ của các Quỹ tại thời điểm bán Đơn vị quỹ.

Mức Chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ căn cứ theo tuổi và giới tính của Người được bảo hiểm. Mức Chi phí bảo hiểm rủi ro có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận. Nếu có sự thay đổi liên quan đến Chi phí bảo hiểm rủi ro, Công ty sẽ thông báo với Bên mua bảo hiểm 3 (ba) tháng trước khi áp dụng.

### Điều 22: Chi phí quản lý hợp đồng

Vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng khi Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực, một số lượng Đơn vị quỹ của hợp đồng sẽ được tự động bán đi theo Giá đơn vị quỹ vào Ngày định giá gần nhất ngay sau Ngày kỷ niệm tháng để chi trả cho khoản Chi phí quản lý hợp đồng hàng tháng. Số lượng các Đơn vị quỹ được bán ra từ mỗi Quỹ để chi trả Chi phí quản lý hợp đồng sẽ căn cứ theo Tỷ trọng giá trị quỹ của các Quỹ tại thời điểm bán Đơn vị quỹ.

Chi phí quản lý hợp đồng là 30.000 (ba mươi ngàn) đồng/tháng và có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức tối đa 60.000 (sáu mươi ngàn) đồng/tháng. Mức tối đa này có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

Nếu có sự thay đổi liên quan đến Chi phí quản lý hợp đồng, Công ty sẽ thông báo với Bên mua bảo hiểm 3 (ba) tháng trước khi áp dụng.

### Điều 23: Chi phí chuyển đổi quỹ

Trong mỗi Năm hợp đồng, Công ty sẽ miễn Chi phí chuyển đổi quỹ cho lần yêu cầu chuyển đổi quỹ đầu tiên. Từ lần chuyển đổi quỹ thứ 2 (hai) trở đi, Bên mua bảo hiểm sẽ chịu Chi phí chuyển đổi, và chi phí này sẽ được trừ đi từ số tiền bán các Đơn vị quỹ của Quỹ này trước khi mua Đơn vị quỹ của Quỹ khác.

Chi phí chuyển đổi quỹ cho mỗi lần là 1% giá trị chuyển đổi nhưng không vượt quá mức



tối đa 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Mức tối đa này có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

Nếu có sự thay đổi liên quan đến Chi phí chuyển đổi quỹ, Công ty sẽ thông báo với Bên mua bảo hiểm 3 (ba) tháng trước khi áp dụng.

#### Điều 24: Chi phí cân đối quỹ

Công ty không áp dụng chi phí cân đối quỹ.

Nếu có sự thay đổi liên quan đến Chi phí cân đối quỹ sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận, Công ty sẽ thông báo với Bên mua bảo hiểm 3 (ba) tháng trước khi áp dụng.

#### Điều 25: Chi phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng

Công ty không áp dụng chi phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng.

Nếu có sự thay đổi liên quan đến Chi phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng sau khi có sự chấp thuận của Bộ Tài chính, Công ty sẽ thông báo với Bên mua bảo hiểm 3 (ba) tháng trước khi áp dụng.

#### Điều 26: Chi phí hủy bỏ hợp đồng

Công ty không áp dụng chi phí hủy bỏ hợp đồng.

Nếu có sự thay đổi liên quan đến Chi phí hủy bỏ hợp đồng sau khi có sự chấp thuận của Bộ Tài chính, Công ty sẽ thông báo với Bên mua bảo hiểm 3 (ba) tháng trước khi áp dụng.

#### Điều 27: Chi phí quản lý quỹ

Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi tính Giá trị tài sản thuần của mỗi Quỹ vào mỗi Ngày định giá theo quy định tại Điều 38 của Quy tắc và Điều khoản này.

Mức chi phí quản lý quỹ của từng Quỹ liên kết đơn vị như sau:

- Chi phí quản lý Quỹ Cân bằng: 2,0%/năm tính trên tổng tài sản của Quỹ.
- Chi phí quản lý Quỹ Thận trọng: 2,0%/năm tính trên tổng tài sản của Quỹ.

Mức Chi phí quản lý quỹ có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận. Nếu có sự thay đổi về Chi phí quản lý quỹ, Công ty sẽ thông báo với Bên mua bảo hiểm 30 (ba mươi) ngày trước khi áp dụng.

## CHƯƠNG 6: THAY ĐỔI, KHÔI PHỤC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

### Điều 28: Từ chối tham gia bảo hiểm

Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tham gia bảo hiểm trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm đã nhận được bộ Hợp đồng bảo hiểm. Công ty sẽ hoàn lại số phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi trừ đi các chi phí kiểm tra sức khỏe, nếu có.

### Điều 29: Những thay đổi liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm

Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Công ty bất cứ thay đổi nào về điều kiện của hợp đồng như được quy định tại Điều 29.1 đến Điều 29.4 theo Quy tắc và Điều khoản này. Sau khi Công ty chấp thuận bằng văn bản, các điều kiện mới sẽ được áp dụng và trở thành một phần không thể tách rời của Hợp đồng bảo hiểm.

**29.1** Nếu Bên mua bảo hiểm là tổ chức bị sáp nhập hay hợp nhất trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực, tổ chức mới sau khi Bên mua bảo hiểm sáp nhập hay hợp nhất trở thành Bên mua bảo hiểm mới, có toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm với điều kiện tổ chức mới phải đáp ứng mọi điều kiện và điều khoản áp dụng cho Bên mua bảo hiểm.

Trong trường hợp tổ chức mới sau khi Bên mua bảo hiểm sáp nhập hay hợp nhất không thỏa điều kiện để trở thành Bên mua bảo hiểm mới hoặc Bên mua bảo hiểm bị phá sản, giải thể, Công ty sẽ chi trả toàn bộ Giá trị tài khoản hợp đồng cho người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm, sau khi trừ đi các Khoản nợ, nếu có, và Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực.

**29.2** Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể thay đổi Người thụ hưởng hoặc tỷ lệ thụ hưởng của (những) Người thụ hưởng khác. Yêu cầu thay đổi và/hoặc chỉ định Người thụ hưởng cùng các tài liệu theo quy định của Công ty phải được làm thành văn bản và gửi đến Công ty. Yêu cầu thay đổi và/hoặc chỉ định Người thụ hưởng có hiệu lực khi được Công ty chấp thuận bằng văn bản và trở thành một phần không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm. Công ty sẽ không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp cũng như tranh chấp, nếu có, của Bên mua bảo hiểm hoặc những người liên quan đến việc chỉ định hoặc thay đổi Người thụ hưởng.

**29.3** Bên mua bảo hiểm phải thông báo cho Công ty bằng văn bản nếu Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm thay đổi nơi cư trú. Trường hợp Người được bảo hiểm không còn cư trú tại Việt Nam, Công ty có thể tăng mức Chi phí bảo hiểm rủi ro và/hoặc Phí bảo hiểm cơ bản, hoặc giảm Số tiền bảo hiểm, hủy sản phẩm bảo hiểm bổ sung, hoặc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm và chỉ thanh toán cho Bên mua bảo hiểm Giá trị tài khoản hợp đồng sau khi trừ đi các Khoản nợ, nếu có, và Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực.

**29.4** Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm: trong thời gian Người được bảo hiểm còn sống và Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể chuyển nhượng toàn bộ Hợp đồng bảo hiểm này cho người khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Công ty với điều kiện người nhận chuyển nhượng đáp ứng các quy định theo Điều 1.2 của Quy tắc và Điều khoản này. Sau khi việc chuyển nhượng được Công ty chấp thuận,

người được chuyển nhượng sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm mới và kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ đối với Hợp đồng bảo hiểm; tuy nhiên, Người được bảo hiểm vẫn không thay đổi.

Việc chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm chỉ có hiệu lực sau khi được Công ty chấp thuận bằng văn bản.

Công ty sẽ không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của thỏa thuận chuyển nhượng giữa Bên mua bảo hiểm và người được chuyển nhượng.

- 29.5** Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực, ngoài các quy định của Hợp đồng bảo hiểm này, Công ty sẽ không có quyền thay đổi bất kỳ điều khoản nào đã được thể hiện tại Hợp đồng bảo hiểm này trừ khi việc thay đổi đó được yêu cầu hoặc chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tất cả những thay đổi này sau khi được chấp thuận sẽ trở thành một phần không thể tách rời của Hợp đồng bảo hiểm.

### **Điều 30: Giải quyết các trường hợp nhầm lẫn khi kê khai tuổi và/hoặc giới tính**

Trường hợp nhầm lẫn khi kê khai tuổi và/hoặc giới tính của Người được bảo hiểm, Chi phí bảo hiểm rủi ro và/hoặc Phí bảo hiểm cơ bản và/hoặc Số tiền bảo hiểm sẽ được điều chỉnh lại tương ứng theo tuổi và/hoặc giới tính đúng. Cụ thể như sau:

- 30.1** Trong trường hợp kê khai sai tuổi và/hoặc giới tính của Người được bảo hiểm dẫn đến Chi phí bảo hiểm rủi ro phải khấu trừ lớn hơn Chi phí bảo hiểm rủi ro đã khấu trừ, Công ty sẽ điều chỉnh giảm Số tiền bảo hiểm tương ứng. Trường hợp Số tiền bảo hiểm sau khi điều chỉnh giảm thấp hơn mức tối thiểu, Công ty có thể yêu cầu Bên mua bảo hiểm tăng Phí bảo hiểm cơ bản tương ứng với tuổi và/hoặc giới tính đúng. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không đồng ý tăng Phí bảo hiểm cơ bản, Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực, và Công ty sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm giá trị nào cao hơn giữa tổng phí bảo hiểm đã đóng hoặc Giá trị tài khoản hợp đồng, sau khi trừ đi các Khoản nợ và tất cả các khoản rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng và các khoản tiền bảo hiểm đã được thanh toán trước đó, nếu có.
- 30.2** Trong trường hợp kê khai sai tuổi và/hoặc giới tính của Người được bảo hiểm dẫn đến Chi phí bảo hiểm rủi ro phải khấu trừ thấp hơn Chi phí bảo hiểm rủi ro đã khấu trừ, khoản chênh lệch Chi phí bảo hiểm rủi ro đã khấu trừ, không có lãi, sẽ được dùng để mua thêm các Đơn vị quỹ theo Giá đơn vị quỹ vào Ngày định giá gần nhất ngay sau ngày Công ty chấp thuận tiếp tục hiệu lực hợp đồng theo tuổi và/hoặc giới tính đúng.
- 30.3** Trong trường hợp kê khai sai tuổi và/hoặc giới tính của Người được bảo hiểm và tuổi và/hoặc giới tính đúng của Người được bảo hiểm không thuộc nhóm tuổi/giới tính có thể được bảo hiểm, Công ty có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm và hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi đã trừ đi các Khoản nợ, chi phí kiểm tra y tế và tất cả các khoản rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng và các khoản tiền bảo hiểm đã được thanh toán trước đó, nếu có.

### **Điều 31: Khôi phục hiệu lực hợp đồng**

Khi Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc các sản phẩm bảo hiểm bổ sung, nếu có, bị mất hiệu lực theo quy định tại Điều 18.5 của Quy tắc và Điều khoản này, Bên mua bảo hiểm có thể

yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng và/hoặc khôi phục hiệu lực các sản phẩm bảo hiểm bổ sung, nếu đáp ứng được tất cả các điều kiện sau:

- Bên mua bảo hiểm gửi yêu cầu bằng văn bản về việc khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc khôi phục hiệu lực các sản phẩm bổ sung trong vòng 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc các sản phẩm bảo hiểm bổ sung bị mất hiệu lực nhưng không trễ hơn Ngày đáo hạn và/hoặc ngày đáo hạn của sản phẩm bổ sung;
- Bên mua bảo hiểm đóng tất cả số phí bảo hiểm theo quy định của Công ty tùy theo thời điểm Hợp đồng bảo hiểm bị mất hiệu lực, như sau:
  - i. Trường hợp Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc các sản phẩm bổ sung bị mất hiệu lực trong 04 (bốn) Năm hợp đồng đầu tiên: Bên mua bảo hiểm phải đóng tất cả các khoản Phí bảo hiểm cơ bản quá hạn trong thời gian đóng phí bắt buộc; và 01 (một) kỳ Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn và/hoặc 1 kỳ phí bảo hiểm đến hạn của các sản phẩm bổ sung tại thời điểm khôi phục hiệu lực hợp đồng;
  - ii. Trường hợp Hợp đồng bị mất hiệu lực từ Năm hợp đồng thứ năm trở đi: Bên mua bảo hiểm phải đóng ít nhất 01 (một) kỳ Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn.
- Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm phải cung cấp bằng chứng về tình trạng sức khỏe và đáp ứng mọi điều kiện để có thể được bảo hiểm theo quy định của Công ty.

Việc khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc khôi phục hiệu lực các sản phẩm bảo hiểm bổ sung sẽ có hiệu lực từ ngày Công ty chấp thuận với điều kiện Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm phải còn sống vào thời điểm Công ty chấp thuận việc khôi phục.

## Điều 32: Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

- 32.1** Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn bằng cách thông báo bằng văn bản cho Công ty và gửi trả bản chính Hợp đồng bảo hiểm để nhận Giá trị tài khoản hợp đồng tại thời điểm Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt sau khi trừ đi các Khoản nợ và Chi phí hủy bỏ hợp đồng, nếu có.
- 32.2** Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt khi một trong các điều kiện dưới đây xảy ra:
- a. Người được bảo hiểm tử vong; hoặc
  - b. Vào ngày Công ty chấp thuận chi trả quyền lợi bảo hiểm TTTB&VV; hoặc
  - c. Vào Ngày đáo hạn; hoặc
  - d. Hợp đồng bảo hiểm đã mất hiệu lực trên 24 (hai mươi bốn) tháng liên tục; hoặc
  - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Việc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm sẽ không loại trừ bất kỳ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào xảy ra trước khi Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt.

- 32.3** Các sản phẩm bổ sung, nếu có, sẽ bị chấm dứt nếu Hợp đồng bảo hiểm chính bị chấm dứt. Việc chấm dứt các sản phẩm bổ sung không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi bảo hiểm đã phát sinh trước đó.

## CHƯƠNG 7: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

### Điều 33: Người nhận quyền lợi bảo hiểm

- 33.1** Công ty sẽ chi trả quyền lợi khi Hợp đồng bảo hiểm đáo hạn, quyền lợi khi Người được bảo hiểm bị TTTB&VV, quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm mắc bệnh Ung thư cho Bên mua bảo hiểm.
- 33.2** Công ty sẽ chi trả quyền lợi khi Người được bảo hiểm tử vong cho những người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm theo thứ tự ưu tiên sau:
- i. Người thụ hưởng;
  - ii. Nếu không có Người thụ hưởng hoặc bất kỳ Người thụ hưởng nào chết trước hoặc cùng thời điểm với Người được bảo hiểm, phần quyền lợi bảo hiểm của người đó sẽ được trả cho Bên mua bảo hiểm.
  - iii. Nếu Bên mua bảo hiểm tử vong, phần quyền lợi bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm được hưởng sẽ được trả cho người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm.

### Điều 34: Thủ tục giải quyết quyền lợi bảo hiểm

- 34.1** Thủ tục giải quyết quyền lợi khi Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị TTTB&VV hoặc Ung thư:

Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Công ty về yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong thời gian sớm nhất có thể và gửi cho Công ty các giấy tờ sau đây:

- Phiếu Yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đã được điền đầy đủ và chính xác;
- Bằng chứng về quyền nhận quyền lợi bảo hiểm như giấy ủy quyền, di chúc hoặc những giấy tờ xác nhận hợp pháp khác, và giấy tờ nhân thân của người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm;
- Giấy tờ chứng minh sự kiện bảo hiểm:
  - Trích lục chứng tử nếu Người được bảo hiểm tử vong;
  - Chứng nhận hoặc xác nhận về tỷ lệ thương tật của Hội Đồng Giám Định Y Khoa cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc tổ chức y tế hợp pháp ở nước ngoài được chúng tôi chấp thuận (trong trường hợp Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn);
  - Các bằng chứng y tế được bác sĩ khám, chẩn đoán hoặc điều trị bao gồm bệnh án nằm viện, các khám nghiệm y tế phù hợp (được thực hiện theo yêu cầu của bác sĩ), các bằng chứng về lâm sàng, khám nghiệm hình ảnh, kết quả giải phẫu bệnh lý và các xét nghiệm để chứng minh sự kiện bảo hiểm;
  - Biên bản tai nạn, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y, kết luận điều tra có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp tai nạn).

- 34.2** Thủ tục giải quyết quyền lợi khi Hợp đồng bảo hiểm đáo hạn

Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Công ty về yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong thời gian sớm nhất có thể và gửi cho Công ty các giấy tờ sau đây:

- Phiếu Yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đã được điền đầy đủ và chính xác;

- Bằng chứng về quyền nhận quyền lợi bảo hiểm như giấy ủy quyền hoặc những giấy tờ xác nhận hợp pháp khác.

**34.3** Công ty bảo lưu quyền yêu cầu cung cấp thêm các tài liệu hoặc bằng chứng bổ sung để trợ giúp cho việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Mọi chi phí liên quan đến việc cung cấp các tài liệu bổ sung sẽ do Công ty chịu trách nhiệm thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thanh toán hợp lệ.

**34.4** Công ty bảo lưu quyền yêu cầu làm các xét nghiệm hay khám y tế đối với Người được bảo hiểm được tiến hành bởi bác sĩ hay cơ sở y tế do Công ty chỉ định hoặc chấp thuận. Trong trường hợp tử vong, nếu thấy phù hợp và được pháp luật cho phép, Công ty có thể yêu cầu khám nghiệm pháp y. Việc yêu cầu các xét nghiệm hay khám y tế này phải phù hợp với quy định về thực hành y khoa thông thường ở Việt Nam. Mọi chi phí liên quan đến việc làm các xét nghiệm hay khám y tế này sẽ do Công ty chịu trách nhiệm thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thanh toán hợp lệ.

### **Điều 35: Thời hạn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm**

Thời hạn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm là trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm tử vong, TTTB&VV hoặc Ung thư. Thời gian để cung cấp các tài liệu bổ sung theo qui định tại Điều 34.3 và 34.4 của Quy tắc và Điều khoản này sẽ không tính vào các thời hạn hoàn tất yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm được quy định ở điều này.

### **Điều 36: Nghĩa vụ chứng minh**

Sau khi nhận đủ hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm, nếu Công ty từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm, Công ty sẽ nêu rõ lý do từ chối bằng văn bản cho người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

### **Điều 37: Giải quyết quyền lợi bảo hiểm**

Công ty có trách nhiệm giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ mà Công ty yêu cầu như được thể hiện tại Điều 34.1 và 34.2 của Quy tắc và Điều khoản này. Nếu việc chi trả quyền lợi bảo hiểm bị chậm trễ, tại thời điểm thanh toán, Công ty sẽ trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất mà Công ty đang áp dụng cho các khoản tạm ứng từ giá trị hợp đồng và được quy định công khai tại trang thông tin điện tử của Công ty [www.aia.com.vn](http://www.aia.com.vn).

Các quyền lợi bảo hiểm sẽ được chi trả tại trụ sở của Công ty hay chi nhánh của Công ty hay qua bưu điện hay phương thức thích hợp khác.

## CHƯƠNG 8: CÁC ĐIỀU KHOẢN VỀ ĐẦU TƯ

### Điều 38: Thiết lập Quỹ liên kết đơn vị và các hoạt động đầu tư của Quỹ

- 38.1** Công ty thiết lập các Quỹ liên kết đơn vị với mục tiêu và chính sách đầu tư được thể hiện tại Phụ lục 1.  
Các Quỹ liên kết đơn vị và tất cả tài sản của Quỹ thuộc quyền quản lý của Công ty. Công ty có toàn quyền quyết định việc đầu tư theo mục tiêu của Quỹ được quy định tại Phụ lục 1.
- 38.2** Công ty có toàn quyền ủy thác một phần hoặc toàn bộ quyền quyết định đầu tư cho tổ chức quản lý quỹ nào theo những điều khoản do Công ty đưa ra phù hợp với quy định của pháp luật.
- 38.3** Công ty có thể thiết lập các Quỹ liên kết đơn vị mới bất kỳ lúc nào sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận. Quy tắc và Điều khoản này sẽ được áp dụng cho các Quỹ mới, trừ khi có quy định khác.
- 38.4** Công ty có thể sử dụng các biện pháp dưới đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm:
- i. Thay đổi tên của Quỹ liên kết đơn vị;
  - ii. Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang Quỹ liên kết đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
  - iii. Chia tách hoặc sáp nhập các Đơn vị quỹ hiện có giúp cho việc quản lý Quỹ được hiệu quả hơn;
  - iv. Ngừng định giá Đơn vị quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp sở/trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;
  - v. Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.
- Khi thực hiện các biện pháp i, ii, iii và v nêu trên, sau khi báo cáo Bộ Tài chính, Công ty sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm ít nhất 3 (ba) ngày trước khi áp dụng.

### Điều 39: Định giá

Công ty sẽ tính toán Giá trị tài sản thuần và Giá đơn vị quỹ cho mỗi Quỹ liên kết đơn vị vào Ngày định giá.

Định kỳ định giá tối thiểu là hàng tuần.

Khi tính toán Giá trị tài sản thuần, Công ty sẽ tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến đầu tư.

Giá trị tài sản thuần sẽ phản ánh:

- i. Tất cả thu nhập, lãi và lỗ, thu được hoặc chưa thu được, bao gồm lãi và lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư của Quỹ;
- ii. Tất cả các chi phí phát sinh, trực tiếp và gián tiếp, cho việc quản lý, duy trì và định giá tài sản của Quỹ;
- iii. Tất cả các khoản thuế, lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành liên quan trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động đầu tư của Quỹ và quản lý tài sản của Quỹ;

iv. Chi phí quản lý quỹ.

Giá đơn vị quỹ của một Quỹ liên kết đơn vị sẽ được xác định vào Ngày định giá bằng cách chia Giá trị tài sản thuần của Quỹ cho tổng các đơn vị có trong Quỹ. Kết quả sẽ được làm tròn đến 1 (một) đồng.

Giá đơn vị quỹ được cập nhật thường xuyên và công khai trên trang thông tin điện tử [www.aia.com.vn](http://www.aia.com.vn) ngay sau Ngày định giá.

## Điều 40: Mua và bán các Đơn vị quỹ

**40.1** Số dư Đơn vị quỹ của Quỹ sẽ tăng hoặc giảm từ các nghiệp vụ mua hoặc bán các Đơn vị quỹ như sau:

**40.1.1** Các trường hợp liên quan đến việc mua Đơn vị quỹ:

- i. Nộp phí bảo hiểm;
- ii. Nhận khoản Thưởng duy trì hợp đồng;
- iii. Chuyển từ Quỹ này sang Quỹ khác.

**40.1.2** Các trường hợp liên quan đến việc bán Đơn vị quỹ:

- i. Chuyển từ Quỹ này sang Quỹ khác;
- ii. Trả Chi phí bảo hiểm rủi ro, Chi phí quản lý hợp đồng, các loại chi phí khác có liên quan đến Quỹ và các Khoản nợ;
- iii. Thanh toán quyền lợi bảo hiểm;
- iv. Rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng;
- v. Chấm dứt hợp đồng trước Ngày đáo hạn.

**40.2** Tất cả các giao dịch mua hoặc bán các Đơn vị quỹ đều sử dụng Giá đơn vị quỹ được xác định tại Ngày định giá gần nhất ngay sau ngày Công ty chấp thuận yêu cầu mua hoặc bán các Đơn vị quỹ từ Bên mua bảo hiểm.

## Điều 41: Một số trường hợp bất khả kháng

Trong một số trường hợp bất khả kháng, Công ty có quyền tạm ngưng hoặc hoãn định giá, mua hoặc bán các Đơn vị quỹ của Quỹ liên kết đơn vị, bao gồm các trường hợp sau:

- i. Việc đóng cửa hoặc tạm ngưng giao dịch của một sàn giao dịch chứng khoán chính;
- ii. Một số tài sản mà Quỹ liên kết đơn vị đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;
- iii. Tạm ngưng dịch vụ của công ty quản lý Quỹ và/hoặc ngân hàng lưu ký và/hoặc ngân hàng giám sát và/hoặc bộ phận quản trị Quỹ của ngân hàng giám sát;
- iv. Các tình huống khác theo quy định của pháp luật.



## CHƯƠNG 9: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

### Điều 42: Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm này, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên thì một trong các bên có quyền đưa ra tòa án tại Việt Nam nơi Công ty hoặc Bên mua bảo hiểm có trụ sở hoặc nơi cư trú của Bên mua được bảo hiểm để giải quyết. Thời hiệu khởi kiện trong vòng 3 (ba) năm tính từ ngày xảy ra tranh chấp.

QUY TẮC VÀ ĐIỀU KHOẢN MẪU

## PHỤ LỤC 1: CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Tên Quỹ	Mục tiêu	Chính sách và rủi ro đầu tư	Lĩnh vực đầu tư
Quỹ Cân bằng	Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn	Đầu tư chủ yếu vào danh mục đầu tư bằng đồng Việt Nam có thu nhập ổn định, đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn  Rủi ro đầu tư: Trung bình	Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (35% - 65%), trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi các tổ chức tín dụng (35% - 65%)
Quỹ Thận trọng	Tạo thu nhập ổn định	Đầu tư chủ yếu vào danh mục đầu tư bằng đồng Việt Nam có thu nhập ổn định, đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn  Rủi ro đầu tư: tương đối thấp	Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (tối đa 30%), trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi các tổ chức tín dụng (70% - 100%)